TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

- Bản án số: 07/2022/DS - ST
- Ngày: 21- 01- 2022
- V/v: " *Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản* "

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồmcó:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Danh Pì Sách**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Minh Nhựt**
2. Ông **Vũ Văn Hợp**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lữ Cẩm Nhung** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thúy Kiều** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 219/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2021, về việc *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXX- ST, ngày 05 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà **Dương Thị Mỹ Ph**, sinh năm: 1986

Địa chỉ: ấp Thạnh H, xã Mong Thọ A, huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang.

(Bà Ph có mặt tại phiên tòa)

* *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn Ú**, sinh năm: 1983

Bà **Trần Thị Diệu H**, sinh năm: 1986

Địa chỉ: ấp Thạnh H, xã Mong Thọ A, huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang.

(Bà H, ông Ú có mặt tại phiên tòa)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà Hiền: Luật sư Nguyễn Trường Th- Văn phòng luật sư Đại Ngh- thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ.

(Luật sư Th có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/6/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Dương Thị Mỹ Ph trình bày:* Nguyên vào từ ngày 04/11/2020 đến ngày 26/03/2021 bà có cho vợ chồng bà Trần Thị Diệu H, ông Nguyễn Văn Út mượn tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 04/11/2020 mượn số tiền là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng);

Lần 2: Ngày 02/12/2020 mượn số tiền là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng);

Lần 3: Ngày 28/02/2021 mượn số tiền là 250.000.000đ(hai trăm năm mươi triệu đồng);

Lần 4: Ngày 26/03/2021 cho mượn số tiền là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

Tổng cộng 04 lần vay là 440.000.000đ (bốn trăm bốn mươi triệu đồng). Khi vay thì bà H có đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Nguyễn Văn Ú đứng tên giao cho bà giữ để làm tin nhưng sau đó ông Ú là chồng bà H có đến gặp bà để năn nỉ và yêu cầu bà đưa lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho ông Ú để ông Ú làm công việc và ông Ú có hứa sẽ đứng ra trả nợ cho bà. Nhưng đến nay vợ chồng ông Ú, bà H chưa có trả trả nợ cho bà và cũng không đóng lãi cho bà.

Tại phiên tòa hôm nay bà Ph yêu cầu: Buộc bà H, ông Ú trả cho bà số tiền nợ gốc là 440.000.000đ và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 01/8/2021 đến ngày xét xử là 5 tháng 19 ngày, do bà Ph đồng ý giảm lãi suất cho bị đơn.

** Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trần Thị Diệu H trình bày:* Nguyên bà có vay của bà Dương Thị Mỹ Ph số tiền gốc là 440.000.000đ (bốn trăm bốn mươi triệu đồng), cụ thể như sau:

- Ngày 04/11/2020 mượn số tiền là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng);

- Ngày 02/12/2020 mượn số tiền là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng);

- Ngày 28/02/2021 mượn số tiền là 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng);

- Ngày 26/03/2021 cho mượn số tiền là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

Tất cả bà đều có làm biên nhận với bà Ph. Khi vay tiền của Ph thì bà có đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chồng bà tên Nguyễn Văn Ú đứng tên giao cho bà Ph giữ để làm tin. Sau này chồng bà ông Nguyễn Văn Ú đi lấy lại từ bà Ph thì bà không biết.

Nay bà Ph khởi kiện bà trả số tiền nợ trên thì bà thống nhất nhưng bà H xác định đây là số tiền nợ riêng của bà với bà Ph không liên quan đến chồng bà là ông Nguyễn Văn Ú nên bà xin được trả cho bà Ph một mình. Bà H xác nhận việc bà vay tiền của bà Ph là đem cho người khác vay lại để hưởng lãi trên lệch, mục đích là để phục vụ sinh hoạt trong gia đình thời điểm đó vợ chồng bà vẫn ở chung nhà và hiện tại vợ chồng bà vẫn chưa ly hôn.

Tại phiên tòa hôm nay bà H có yêu cầu: Thừa nhận còn nợ bà Dương Thị Mỹ Ph số tiền gốc là 440.000.000đ (bốn trăm bốn mươi triệu đồng) và đồng ý tính lãi theo theo yêu cầu của bà Ph, bà H thống nhất trả số tiền này cho bà Ph một mình vì đây là nợ riêng của bà với bà Ph không liên quan đến chồng bà là ông Nguyễn Văn Ú

** Bị đơn ông Nguyễn Văn Ú trình bày:* Ông Nguyễn Văn Ú không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà Ph vì ông không có tham gia cùng vợ ông là bà Trần Thị Diệu H đi vay tiền của bà Ph. Khi bà Hiền đi vay tiền của bà Ph cũng không cho ông hay, mặc dù vợ chồng ông sống chung nhà với nhau nhưng khi bà H đi vay tiền không có nói cho ông biết, mặc khác trên các biên nhận nợ ông không có ký tên và ông không có lần nào nhận tiền của bà Ph nên đối với việc bà Ph kiện ông cùng bà H liên đới thanh toán cho bà Ph số tiền 440.000.000đ và tiền lãi là ông không đồng ý vì ông không có liên quan. Ông Ú xác nhận khi vay tiền vợ ông là bà H có đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông đứng tên giao cho bà Ph giữa, sau này ông biết sự việc và ông có qua gặp bà Ph để lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi đó ông cũng không có ý kiến gì đối với việc vợ ông là bà H

vay tiền của bà Ph nhưng ông không có nói với bà Ph là ông sẽ đứng ra trả nợ cùng bà H.

Ông Ú xác nhận, khi vợ ông vay tiền của bà Ph thì không thấy bà H đem tiền về nhà, mọi chi phí sinh hoạt trong gia đình do ông đưa tiền cho bà H chi trả. Hiện nay ông làm phụ hồ thu nhập trung bình mỗi tháng là 6.000.000đ và ông làm thêm ruộng.

Về kinh tế gia đình thì bà H có phụ giúp tiếp một phần chi phí gia đình từ thu nhập mà bà Hiền làm có được nhưng chỉ phần ít, chủ yếu sinh hoạt gia đình là do ông tự làm và chi trả hết. Ông Ú xác nhận thời điểm bà H vay tiền của bà P thì vợ ông vẫn ở chung nhà và đến nay vợ chồng ông vẫn chưa ly hôn.

Tại phiên tòa hôm nay ông Ú có yêu cầu: Ông Ú không đồng ý trả số tiền nợ trên cho bà Ph vì ông không liên quan. Đối với số tiền nợ thì ông Ú không có ý kiến và ông yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Trần Thị Diệu H trình bày: Không đồng ý theo yêu cầu của bà P về việc buộc ông Ú phải liên đới cùng bà H thanh toán số tiền là 440.000.000đ và tiền lãi theo quy định pháp luật vì thực tế: Bà H khi vay tiền của bà Ph là để chi xài cá nhân, không phục vụ cho nhu cầu của gia đình và không làm phát triển thêm tài sản chung của vợ chồng. Mặc khác, khi bà H vay tiền của bà Ph không có nói cho ông Ú biết và trên biên nhận nợ không có chử ký của ông Ú. Do đó, khoản nợ vay này là nợ riêng của bà Hiền nên bà H tự chịu trách nhiệm thanh toán cho bà Ph.

Đối với phần tiền lãi: Đề nghị HĐXX xem xét cho bà H được miễn tiền lãi vì theo bà H khai đã đóng lãi cho bà Ph tiền lãi là 290.000.000đ nhưng không có biên nhận và cũng không được bà Ph thừa nhận nhưng thực tế do bà Ph và bà H có mối quan hệ bạn bè thân thiết nên tin tưởng khi trả lãi mà không ghi biên nhận nên đây là sai xót của bà H.

Từ nhựng vấn đề trên đề nghị HĐXX buộc bà H có trách nhiệm thanh toán cho bà Ph số tiền vay gốc là 440.000.000đ, không tính lãi. Do hiện nay hoàn cảnh gia đình bà H khó khăn, không có việc làm ổn định, không có tài sản riêng nên xin HĐXX cho bà H được trả dần mỗi tháng là 15.000.000đ cho đến khi dứt nợ là phù hợp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Mỹ Ph buộc bị đơn ông Nguyễn Văn Ú và bà Trần Thị Diệu H phải có nghĩa vụ trả cho bà Ph số tiền vay gốc là 440.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền: Bà Dương Thị Mỹ Ph yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn Ú và Trần Thị Diệu H trả cho bà Ph số tiền vay do đó đây là quan hệ *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản",* đồng thời bị đơn Trần Văn Ú, Trần Thị Diệu H có nơi cư trú tại ấp Thạnh H, xã Mong Thọ A, huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà Dương Thị Mỹ Ph yêu cầu vợ chồng ông Ú, bà H phải trả cho bà Ph số tiền vay gốc là 440.000.000đ (Bốn trăm bốn mươi triệu đồng) và tiền lãi từ ngày 01/8/2021 đến ngày xét xử là 5 tháng 19 ngày. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà H thừa nhận bà đã nhiều lần vay tiền của bà Phúc với số tiền gốc tổng cộng là 440.000.000đ, tất cả bà đều làm biên nhận với bà Ph nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên chưa có tiền trả cho bà Ph được. Tuy nhiên, bà H xác nhận số nợ này là số nợ riêng của bà với bà Ph, không phải nợ chung của vợ chồng bà nên bà xin được trả số nợ trên cho bà Ph một mình. Còn ông Ú thì xác nhận đối với số tiền vay giữa bà Ph với bà H thì ông không có biết

và ông cũng không đồng ý trả số tiền nợ trên theo yêu cầu của bà Ph vì đây là số nợ riêng của bà H, ông không liên quan.

HĐXX xét thấy việc ông Ú, bà H không thừa nhận số nợ nêu trên là nợ chung của vợ chồng nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Hiền và ông Ú đều xác nhận khi vay tiền của bà Ph thì bà H có đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Ú đứng tên giao cho bà Ph cất giữ để làm tin, sau đó ông Ú biết vấn đề này đến gặp bà Phúc để lấy lại và cũng không có ý kiến gì về vấn đề này. Điều này cho thấy ông Ú đã biết việc bà Hiền vay tiền của bà Phúc và mặc nhiên ông Ú cũng đồng ý. Hơn nữa bà Hi xác nhận mục đích của bà vay tiền của bà Ph là đem cho người khác vay lại hưởng lãi chênh lệch để đem về phụ giúp trang trải chi phí trong gia đình và vấn đề này ông Ú cũng thừa nhận. Mặc khác, tại thời điểm bà H vay tiền thì ông Ú, bà H vẫn còn chung sống với nhau nên khi phát sinh nợ trong thời kỳ hôn nhân thì ông bà phải có trách nhiệm liên đới theo quy định tại Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Từ những cơ sở phân tích trên HĐXX xác định việc bà Ph khởi kiện yêu cầu bà H, ông Ú có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà số tiền vay gốc là 440.000.000đ và tiền lãi là phù hợp với quy định tại các Điều 357, 463, 466, 468 và khoản 02 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015 nên có căn cứ chấp nhận.

Về tiền lãi: Bà Ph trình bày tại phiên tòa rằng lãi suất thỏa thuận khi bà Ph với bà H là 3%/tháng nhưng trên các biên nhận nợ thì không thể hiện rõ lãi suất. Tại phiên tòa bà Ph yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật đối với số tiền vay gốc 440.000.000đ và tiền lãi từ ngày 01/8/2021 đến nay là 05 tháng 19 ngày và bà H cũng đồng ý theo yêu cầu của bà Ph. Do đó HĐXX tính lãi suất được tính như sau: 440.000.000đ x 10%/năm x 05 tháng x 19 ngày = 20.655.551 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, tổng tiền gốc và lãi bà H, ông Ú phải liên đới thanh toán cho bà Phúc là 460.655.551đồng.

[3] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét ý kiến trình bày của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là không có cơ sở để xem xét như phân tích ở trên.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn bà H, ông Ú phải liên đới chịu án phí với số tiền là 460.655.551đồng = {(20.000.000) + (60.655.551 đồng x 4%)} = 22.426.222,04 đồng. Nguyên đơn bà Ph không phải chịu án phí, bà Ph được nhận lại 10.800.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001779 ngày 07/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 243, khoản 2 Điều 244, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 463, 466, 468, khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014
- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Mỹ Ph.

Xử:

1. Buộc bà Trần Thị Hiệu H, ông Nguyễn Văn Ú cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán trả cho bà Ph số tiền vay gốc là 440.000.000 đồng và tiền lãi (từ ngày 01/8/2021 đến ngày 21/01/2022) là 20.655.551đồng, tổng cộng gốc lãi là 460.655.551 đồng (bốn trăm sáu mươi triệu sáu trăm năm mươi lăm ngàn năm trăm năm mươi một đồng).

Địa điểm giao nhận tiền trả nợ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn không trả cho nguyên đơn dứt điểm số tiền nêu trên thì hàng tháng bị đơn còn phải trả cho

nguyên đơn thêm một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Ú, bà H phải liên đới chịu án phí với số tiền là 22.426.222,04 đồng (hai mươi hai triệu bốn trăm hai mươi sáu ngàn hai trăm hai mươi hai phẩy không bốn đồng). Nguyên đơn bà Ph không phải chịu án phí, bà Ph được nhận lại 10.800.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001779 ngày 07/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ Tọa Phiên Toà

Danh Pì Sách

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *Viện Kiểm sát huyện Châu Thành;*
- *Chi cục THADS huyện Châu Thành;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ Tọa Phiên Toà

Danh Pì Sách

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *Viện Kiểm sát huyện Châu Thành;*
- *Chi cục THADS huyện Châu Thành;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*